

Bản án số: 209/2022/DS-ST

Ngày: 13-7-2022

V/v tranh chấp thừa kế

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Phúc

2. Ông Phạm Văn Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Kim Tuyền, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Mai Đức Hùng, Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 249/2020/DSST ngày 26 tháng 5 năm 2020 về việc “Tranh chấp thừa kế” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2020/2022/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Long Cẩm T, sinh năm 1968; Địa chỉ: Tầng trệt (Tầng 1), số 65 Đường T, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Quang M - Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

Bị đơn:

1. Bà Trần Mỹ M, sinh năm 1963; Địa chỉ: Tầng trệt (Tầng 1), số 67 Đường T, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1985; Địa chỉ: 69L3 Đường T, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 04/7/2022) (Có mặt)

2. Bà Trần Thúy T, sinh năm 1964; Địa chỉ: Tầng trệt (Tầng 1), số 67 Đường T, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Long Diệu H, sinh năm 1964; Địa chỉ: 69 L3 Đường T, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Trần Quốc H, sinh năm 1983; Địa chỉ: Số 508/2A Đường C, Phường H, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh (Văn bản ủy quyền ngày 22/4/2022) (Có mặt)

2. Bà Trần Miêu A, sinh năm 1971; Địa chỉ: 145/29 Đường L, phường B, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Long Cẩm T, sinh năm 1968; Địa chỉ: Tầng trệt (Tầng 1), số 65 Đường T, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. (Văn bản ủy quyền ngày 18/6/2020). (Có mặt)

3. Bà Lê Thị N, sinh năm 1977 (Có mặt)

4. Bà Trần Thị Minh T, sinh năm 1997 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Tầng trệt (Tầng 1), số 65 Đường T, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

5. Ông Huỳnh Văn C, sinh năm 1965 (Có đơn xin vắng mặt)

6. Bà Lê Thị T, sinh năm 1985 (Có đơn xin vắng mặt)

7. Ông Long Thanh C, sinh năm 1998 (Có đơn xin vắng mặt)

8. Bà Lê Thị R, sinh năm 1978 (Có đơn xin vắng mặt)

9. Trẻ Long Minh T, sinh năm 2008. Người đại diện hợp pháp: Ông Long Cẩm T, sinh năm 1968 (Có mặt)

10. Bà Huỳnh Nguyệt Á, sinh năm 1989 (Có đơn xin vắng mặt)

11. Ông Huỳnh Quang H, sinh năm 1999 (Có đơn xin vắng mặt)

12. Bà Trần Thị Mỹ H, sinh năm 1968 (Có đơn xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Tầng trệt (Tầng 1), số 65 Đường T, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn trình bày:

Bà Lý C là bà ngoại của nguyên đơn. Lúc còn sống, bà Lý C có tạo lập được nhà, đất tại địa chỉ Tầng trệt (Tầng 1) số 65-67 và Lầu 1 (Tầng 2) số 65-67-69 Đường T, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số

phát hành BP 025569, số vào sổ cấp GCN: CH00164 do Ủy ban nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07/11/2013. Đây là tài sản do tự bà C tạo lập được.

Ngày 16/12/1992, bà Lý C có lập di chúc tại Phòng công chứng Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh để lại tài sản trên cho những người có tên sau đây: Bà Trần Mỹ M, sinh năm 1963; Bà Trần Thúy T, sinh năm 1964; Ông Long Cẩm T, sinh năm 1968; Ông Trần Cẩm B, sinh năm 1974.

Ngày 01/8/1994, bà Lý C chết. Ba mẹ và chồng của bà Lý C chết trước bà C từ lâu. Bà C có 02 người con là bà Trần P và bà Trần Ngân P. Ông Long Cẩm T, ông Trần Cẩm B là con của bà Trần P. Bà Trần Mỹ M, bà Trần Thúy T là con của bà Trần Ngân P.

Ngày 12/5/2003 ông Trần Cẩm B chết, ông B không có vợ con, ba mẹ của ông B là bà Trần P và ông Long Q đã chết trước ông B nên hàng thừa kế của ông B có 04 người là anh chị em của ông B, gồm có: Ông Long Cẩm T, sinh năm 1968; bà Long Diệu H, sinh năm 1964; bà Trần Miêu A, sinh năm 1971 và ông Trần Cẩm V, sinh năm 1973. Tuy nhiên, ông V đã chết ngày 24/10/2006, có người thừa kế gồm vợ là bà Lê Thị N, sinh năm 1977 và con là bà Trần Thị Minh T, sinh năm 1997.

Sau khi bà C chết, bà Trần Thúy T đại diện những người thừa kế của bà Lý C đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ là Tầng 1 số 65-67 và Tầng 2 số 65-67-69 Đường T, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thực tế nhà, đất nói trên hiện đang được sử dụng như sau: Tầng 1 số 65 do gia đình ông T sử dụng cho thuê làm kho chứa bia rượu, Tầng 1 số 67 và Lầu Tầng 2 số 65-67-69 do bà M và bà T đang sử dụng.

Do các đồng thừa kế không thỏa thuận được về việc phân chia di sản thừa kế nên Ông Long Cẩm T khởi kiện yêu cầu Tòa án phân chia thừa kế theo di chúc do bà Lý C lập ngày 16/12/1992, tại Phòng công chứng Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh di sản của bà Lý C chết năm 1994 để lại là Tầng trệt (Tầng 1) số 65 và Tầng trệt (Tầng 1) số 67 và Lầu 1 (Tầng 2) số 65-67-69 Đường T, phường B, Quận 1 và chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của ông Trần Cẩm B chết năm 2003 để lại. Tổng cộng cả phần thừa kế theo di chúc và thừa kế theo pháp luật, ông T yêu cầu được hưởng 6/16 di sản tương đương với 2.683.406.250 đồng. Tuy nhiên về giá trị của di sản để lại, ông T yêu cầu bán tài sản theo giá thị trường để phân chia cho các đồng thừa kế và ông được nhận 5/16 phần di sản theo giá trị thực tế của tài sản tại thời điểm phân chia.

Ông T không đồng ý với ý kiến hòa giải của các đồng thừa kế và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Ông không có ý kiến đối với kết quả định giá của Hội đồng định giá kết luận bất động sản trên có tổng giá trị là 10.794.960.000 đồng.

Bị đơn là bà Trần Mỹ M trình bày:

Bà thống nhất với phần trình bày của nguyên đơn về hàng thừa kế và di chúc phân chia di sản do bà Lý C chết để lại. Bà là 01 trong 04 người được bà Lý C để lại di chúc nên bà yêu cầu được nhận 25% phần thừa kế theo giá trị thực tế của nhà đất tại địa chỉ tại Tầng trệt số 65-67 và Tầng 1 số 65-67-69 Đường T, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Trần Mỹ M cùng các bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng ý trả cho Ông Long Cẩm T số tiền ông T yêu cầu theo đơn khởi kiện là 2.683.406.250 đồng để ông T chuyển đi nơi khác.

Ngoài ra, bà Lý C lúc còn sống còn tạo lập được tài sản là 02 căn nhà tại đường Phạm Ngọc T, tuy nhiên do Ông Long Cẩm T đã lấy hết các giấy tờ của hai căn nhà này nên bà không có tài liệu để cung cấp cho Tòa án. Nay bà yêu cầu Tòa án chia tất cả tài sản do bà Lý C chết để lại cho tất cả các đồng thừa kế của bà C. Tuy nhiên, sau khi được Tòa án giải thích về việc bà phải có đơn yêu cầu phản tố, phải nộp các tài liệu chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu phản tố là có căn cứ và thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật để Tòa án thụ lý yêu cầu phản tố thì bà không tiếp tục yêu cầu, nếu sau này có yêu cầu bà sẽ khởi kiện trong một vụ án khác.

Bà không có ý kiến đối với kết quả định giá của Hội đồng định giá kết luận bất động sản trên có tổng giá trị là 10.794.960.000 đồng.

Bị đơn là bà Trần Thúy T trình bày:

Bà thống nhất với phần trình bày của nguyên đơn về hàng thừa kế và di chúc phân chia di sản do bà Lý C chết để lại.

Bà là 01 trong 04 người được bà Lý C để lại di chúc nên bà yêu cầu được nhận 25% toàn bộ giá trị nhà đất địa chỉ tại Tầng trệt số 65-67 và Tầng 1 số 65-67-69 Đường T, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo di sản thừa kế của bà Lý C theo giá trị thực tế của tài sản tại thời điểm phân chia. Bà Trần Thúy T cùng các bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng ý trả cho Ông Long Cẩm T số tiền ông T yêu cầu theo đơn khởi kiện là 2.683.406.250 đồng để ông T chuyển đi nơi khác.

Bà không có ý kiến đối với kết quả định giá của Hội đồng định giá kết luận bất động sản trên có tổng giá trị là 10.794.960.000 đồng.

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan bà Long Diệu H có người đại diện theo ủy quyền là ông Trần Quốc H trình bày:

Bà Long Diệu H thống nhất với phần trình bày của nguyên đơn về hàng thừa kế và di chúc do bà Lý C chết để lại. Tuy nhiên, trong quá trình sử dụng nhà đất nêu trên ông T đã dành mất phần thừa kế mà ông Trần Cẩm B chết để lại mà đáng ra bà H được nhận từ khoảng 15 năm nên bà H yêu cầu ông T phải bồi thường giá trị sử dụng phần thừa kế của ông B từ khi ông B chết đến nay cho những người được hưởng phần thừa kế của ông B, vì trong khoảng 15 năm vừa qua, ông T sử dụng riêng cho gia đình ông T. Trong trường hợp phải chia thừa kế, bà yêu cầu được nhận 1/16 di sản thừa kế do bà Lý C để lại. Bà Long Diệu H cùng các bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng ý trả cho Ông Long Cẩm T số tiền ông T yêu cầu theo đơn khởi kiện là 2.683.406.250 đồng để ông T chuyển đi nơi khác.

Ngoài ra bà Lý C lúc còn sống còn tạo lập được nhiều tài sản khác nên đề nghị Tòa án phân chia hết tất cả di sản của bà C cho những người thừa kế của bà C. Tuy nhiên, sau khi được Tòa án giải thích về việc bà H phải có đơn yêu cầu độc lập, phải nộp các tài liệu chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu độc lập là có căn cứ và thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật để Tòa án thụ lý yêu cầu độc lập thì bà H không tiếp tục yêu cầu, nếu sau này có yêu cầu bà sẽ khởi kiện trong một vụ án khác.

Bà H không có ý kiến đối với kết quả định giá của Hội đồng định giá kết luận bất động sản trên có tổng giá trị là 10.794.960.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị N trình bày:

Bà là vợ của ông Trần Cẩm V. Ông V chết năm 2006 nên bà là người thừa kế của ông V đối với phần di sản do ông Trần Cẩm B chết để lại. Bà thống nhất với phần trình bày của nguyên đơn về hàng thừa kế, di sản thừa kế và di chúc do bà Lý C để lại. Trong trường hợp phải chia thừa kế, bà cùng con của ông V là Trần Thị Minh T yêu cầu được nhận thừa kế do ông Trần Cẩm V được hưởng từ phần thừa kế của ông Trần Cẩm B là 1/16 di sản thừa kế do bà Lý C để lại. Bà Lê Thị N cùng các bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng ý trả cho Ông Long Cẩm T số tiền ông T yêu cầu theo đơn khởi kiện là 2.683.406.250 đồng để ông T chuyển đi nơi khác.

Bà không có ý kiến đối với kết quả định giá của Hội đồng định giá kết luận bất động sản trên có tổng giá trị là 10.794.960.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Minh T trình bày:

Bà là con của ông Trần Cẩm V. Ông V chết năm 2006 nên bà là người thừa kế của ông V đối với phần di sản do ông Trần Cẩm B chết để lại. Bà thống nhất

với phần trình bày của nguyên đơn về hàng thừa kế, di sản thừa kế và di chúc do bà Lý C để lại. Trong trường hợp phải chia thừa kế, bà cùng mẹ là bà Lê Thị N yêu cầu được nhận thừa kế do ông Trần Cẩm V được hưởng từ phần thừa kế của ông Trần Cẩm B là 1/16 di sản thừa kế do bà Lý C để lại. Bà Trần Thị Minh T cùng các bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng ý trả cho Ông Long Cẩm T số tiền ông T yêu cầu theo đơn khởi kiện là 2.683.406.250 đồng để ông T chuyển đi nơi khác.

Bà không có ý kiến đối với kết quả định giá của Hội đồng định giá kết luận bất động sản trên có tổng giá trị là 10.794.960.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Miêu A có người đại diện theo ủy quyền Ông Long Cẩm T trình bày: Thông nhất phần trình bày của Ông Long Cẩm T. Bà Miêu A yêu cầu được nhận 1/16 di sản thừa kế do bà Lý C để lại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn C trình bày: Ông C hiện đang cư trú tại địa chỉ nhà số 65 – 67 – 69 Đường T, phường B, Quận 1. Đây là tài sản đang tranh chấp trong vụ án thừa kế giữa Ông Long Cẩm T và các đồng thừa kế. Ông không liên quan đến vụ án này, không có ý kiến đối với tranh chấp giữa các bên. Ông yêu cầu được vắng mặt trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án tại Tòa án nhân dân Quận 1 và Tòa án nhân dân các cấp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị T trình bày: Bà T hiện đang cư trú tại địa chỉ nhà số 65 – 67 – 69 Đường T, phường B, Quận 1. Đây là tài sản đang tranh chấp trong vụ án thừa kế giữa Ông Long Cẩm T và các đồng thừa kế. Bà không liên quan đến vụ án này, không có ý kiến đối với tranh chấp giữa các bên. Bà yêu cầu được vắng mặt trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án tại Tòa án nhân dân Quận 1 và Tòa án nhân dân các cấp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Long Thanh C trình bày: Ông hiện đang cư trú tại địa chỉ nhà số 65 – 67 – 69 Đường T, phường B, Quận 1. Đây là tài sản đang tranh chấp trong vụ án thừa kế giữa Ông Long Cẩm T và các đồng thừa kế. Ông không liên quan đến vụ án này, không có ý kiến đối với tranh chấp giữa các bên. Ông yêu cầu được vắng mặt trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án tại Tòa án nhân dân Quận 1 và Tòa án nhân dân các cấp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị R trình bày: Bà R hiện đang cư trú tại địa chỉ nhà số 65 – 67 – 69 Đường T, phường B, Quận 1. Đây là tài sản đang tranh chấp trong vụ án thừa kế giữa Ông Long Cẩm T và các đồng thừa kế. Bà không liên quan đến vụ án này, không có ý kiến đối với tranh chấp giữa các bên. Bà yêu cầu được vắng mặt trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án tại Tòa án nhân dân Quận 1 và Tòa án nhân dân các cấp.

Trẻ Long Minh T có người đại diện hợp pháp là Ông Long Cẩm T trình bày: Trẻ T hiện đang cư trú tại địa chỉ nhà số 65 – 67 – 69 Đường T, phường B, Quận

1. Đây là tài sản đang tranh chấp trong vụ án thừa kế giữa Ông Long Cẩm T và các đồng thừa kế. Trê T thống nhất với phần trình bày của Ông Long Cẩm T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Nguyệt Á trình bày: Bà hiện đang cư trú tại địa chỉ nhà số 65 – 67 – 69 Đường T, phường B, Quận 1. Đây là tài sản đang tranh chấp trong vụ án thừa kế giữa Ông Long Cẩm T và các đồng thừa kế. Bà không liên quan đến vụ án này, không có ý kiến đối với tranh chấp giữa các bên. Bà yêu cầu được vắng mặt trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án tại Tòa án nhân dân Quận 1 và Tòa án nhân dân các cấp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Quang H trình bày: Ông H hiện đang cư trú tại địa chỉ nhà số 65 – 67 – 69 Đường T, phường B, Quận 1. Đây là tài sản đang tranh chấp trong vụ án thừa kế giữa ông Long Cẩm T và các đồng thừa kế. Ông không liên quan đến vụ án này, không có ý kiến đối với tranh chấp giữa các bên. Ông yêu cầu được vắng mặt trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án tại Tòa án nhân dân Quận 1 và Tòa án nhân dân các cấp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Mỹ H trình bày: Bà H hiện đang cư trú tại địa chỉ nhà số 65 – 67 – 69 Đường T, phường B, Quận 1. Đây là tài sản đang tranh chấp trong vụ án thừa kế giữa ông Long Cẩm T và các đồng thừa kế. Bà không liên quan đến vụ án này, không có ý kiến đối với tranh chấp giữa các bên. Bà yêu cầu được vắng mặt trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án tại Tòa án nhân dân Quận 1 và Tòa án nhân dân các cấp.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn thống nhất với phần trình bày của nguyên đơn và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Trần Mỹ M yêu cầu Tòa án giữ nguyên hiện trạng đang sử dụng của những người đồng thừa kế trên phần di sản của bà Lý C chết để lại. Trường hợp phải chia thừa kế, bà M yêu cầu bán toàn bộ di sản để chia theo quy định của pháp luật, bà M yêu cầu được nhận kỷ phần thừa kế theo di chúc do bà Lý C để lại.

Bị đơn bà Trần Thúy T yêu cầu giữ nguyên hiện trạng đang sử dụng của những người đồng thừa kế trên phần di sản của bà Lý C chết để lại. Trường hợp phải chia thừa kế, bà yêu cầu bán toàn bộ di sản để chia theo quy định, bà yêu cầu được nhận kỷ phần thừa kế theo di chúc do bà Lý C để lại.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Long Diệu H yêu cầu Tòa án giữ nguyên hiện trạng đang sử dụng của những người đồng thừa kế trên phần di sản của bà Lý C chết để lại. Trường hợp phải chia thừa kế, bà H yêu cầu bán toàn bộ di sản để chia theo quy định của pháp luật.

Bà Lê Thị N yêu cầu Tòa án giữ nguyên hiện trạng đang sử dụng của những người đồng thừa kế trên phần di sản của bà Lý C chết để lại. Trường hợp

phải chia thừa kế, bà N yêu cầu bán toàn bộ di sản để chia theo quy định của pháp luật. Bà N tự nguyện ủy quyền toàn bộ phần di sản bà được hưởng từ di sản của ông Trần Cẩm V cho bà Trần Thị Minh T được trọn hưởng.

Bà Trần Thị Minh T yêu cầu Tòa án giữ nguyên hiện trạng đang sử dụng của những người đồng thừa kế trên phần di sản của bà Lý C chết để lại. Trường hợp phải chia thừa kế, bà N yêu cầu bán toàn bộ di sản để chia theo quy định của pháp luật. Bà T thống nhất với ý kiến của bà N ủy quyền cho Bà T được nhận toàn bộ phần di sản của ông Trần Cẩm V.

Ông Long Cẩm T là người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Miêu A, đồng thời là người đại diện theo pháp luật của trẻ Long Minh T thống nhất với phần trình bày của nguyên đơn, đề nghị Tòa án chia thừa kế đối với di sản do bà Lý C chết để lại.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung vụ án: Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia di sản thừa kế nhà, đất tọa lạc tại tầng trệt (Tầng 1) số 65-67 Đường T và Lầu 1 (tầng 2) số 65-67-69 Đường T, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh có giá trị tạm tính 10.794.960.000 đồng của bà Lý C trong vụ án như sau: Ông Long Cẩm T được hưởng 5/16 di sản thừa kế, Bà Trần Mỹ M được hưởng 4/16 di sản thừa kế, Bà Trần Thúy T được hưởng 4/16 di sản thừa kế, Bà Long Diệu H được hưởng 1/16 di sản thừa kế, Bà Trần Miêu A được hưởng 1/16 di sản thừa kế, Bà Lê Thị N được hưởng 1/16 di sản thừa kế; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc bán toàn bộ di sản để chia thừa kế theo tỷ lệ được hưởng cho các đồng thừa kế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện về “Tranh chấp thừa kế” đối với bị đơn có nơi cư trú tại Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa các đương sự là ông Huỳnh Văn C, bà Lê Thị T, ông Long Thanh C, bà Lê Thị R, bà Huỳnh Nguyệt Á, ông Huỳnh Quang H, bà Trần Thị Mỹ H có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về thời hiệu yêu cầu chia thừa kế: Bà Lý C chết năm 1994, căn cứ theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 688 và khoản 1 Điều 623 Bộ luật dân sự 2015 thì thời hiệu chia thừa kế đối với di sản của bà Lý C là vẫn còn.

Về nội dung vụ án:

[4] Ngày 16/12/1992, bà Lý C lập Tờ di chúc có công chứng tại Phòng công chứng nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh định đoạt toàn bộ nhà đất tại Tầng trệt số 65-67 và Tầng 1 số 65-67-69 Đường T, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, đến năm 1994 thì bà C chết. Căn cứ theo quy định tại Điều 652 và 653 Bộ luật dân sự 1995 thì di chúc của bà Lý C là hợp lệ về mặt hình thức.

[5] Về nguồn gốc di sản: Nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đều thống nhất nguồn gốc nhà đất tại tầng trệt số 65-67 và Tầng 1 số 65-67-69 Đường T, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh là do bà Lý C tạo lập. Theo Văn bản số: 5617/CNQ1 ngày 22/12/2021 của Văn phòng Đăng ký đất đai Quận 1 thể hiện: “Nguồn gốc nhà, đất tại Tầng trệt số 65-67 và Tầng 1 số 65-67-69 Đường T, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh thuộc sở hữu của bà Lý C theo bản trích sao quyết định quản lý nhà đất cho thuê số 218/QĐ-UB ngày 21/5/1983 của UBND thành phố. Bà C được giữ lại sở hữu tầng trệt nhà 65 – 67, lầu 1 nhà số 65 – 67 – 69 và lầu 5 nhà số 67 – 69 Đường T. Bà Lý C độc thân, lập di chúc trong đó ghi nhận tầng trệt căn nhà số 65 – 67 và lầu 1 nhà số 65 – 67 – 69 Tông Thất Đạm, phường Bến Nghé, Quận 1 để lại cho 04 người cháu: Trần Mỹ M, Trần Thúy T, Trần Cẩm B, Long Cẩm Thành, lập tại Phòng công chứng nhà nước TPHCM số 35644 ngày 16/12/1992. Năm 1994 bà C chết, năm 2003 ông B chết, các đồng thừa kế là Trần Mỹ M, Long Cẩm Thành lập cam kết đồng ý cho bà Trần Thúy T được đại diện đứng tên trên Giấy chứng nhận có xác nhận chữ ký số 69 ngày 03/8/2013 của UBND phường Bến Nghé. Ngày 07/11/2013, Ủy ban nhân dân Quận 1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH00164 công nhận bà Trần Thúy T là người đại diện của những người thừa kế của bà Lý C đối với nhà đất tại Tầng trệt số 65-67 và Tầng 1 số 65-67-69 Đường T, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh”. Do đó có cơ sở để xác định nhà, đất tại Tầng trệt số 65-67 và Tầng 1 số 65-67-69 Đường T, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh là di sản do bà Lý C chết để lại.

[6] Từ những phân tích trên có cơ sở để xác định di chúc do bà Lý C lập ngày 16/12/1992 tại Phòng công chứng Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên có hiệu lực pháp luật.

[7] Xét nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế theo di chúc đối với di sản do bà Lý C để lại theo di chúc ngày 16/12/1992, Hội đồng xét xử xét thấy:

[8] Do di chúc của bà Lý C lập ngày 16/12/1992 là hợp pháp, có hiệu lực pháp luật nên căn cứ khoản 1 Điều 659 Bộ luật dân sự 2015, di sản của bà C sẽ

được chia đều thành 04 kỷ phần cho 04 người được thừa kế là bà Trần Mỹ M, bà Trần Thúy T, Ông Long Cẩm T, ông Trần Cẩm B.

Tuy nhiên ông B chết năm 2003, chết sau người để lại di sản, ông B không có vợ con nên căn cứ theo quy định pháp luật, kỷ phần mà ông B được hưởng sẽ chia đều cho các anh chị em ruột thuộc hàng thừa kế thứ hai của ông B là Ông Long Cẩm T, bà Long Diệu H, bà Trần Miêu A và ông Trần Cẩm V. Xét ông Trần Cẩm V chết năm 2006 có vợ là bà Lê Thị N và con là Trần Thị Minh T nên bà N và Bà T được hưởng phần di sản do ông V được hưởng từ di sản do ông B chết để lại. Tại phiên tòa bà N, Bà T đã tự thỏa thuận với nhau về việc giao cho Bà T được toàn quyền hưởng đối với phần thừa kế của ông V. Xét việc thỏa thuận là tự nguyện nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Theo biên bản định giá ngày 10/11/2021 thì giá trị căn nhà là 10.794.960.000 đồng, các đương sự không có ý kiến đối với giá trị do Hội đồng định giá định nên được Hội đồng xét xử ghi nhận. Do đó, cụ thể di sản của bà Lý C được phân chia như sau: Bà Trần Mỹ M được nhận số tiền 2.698.740.000 đồng tương đương với $\frac{1}{4}$ (hoặc 25%) giá trị căn nhà; Bà Trần Thúy T được nhận số tiền 2.698.740.000 đồng tương đương với $\frac{1}{4}$ (hoặc 25%) giá trị căn nhà; Ông Long Cẩm T được nhận số tiền 3.373.425.000 đồng tương đương với $\frac{5}{16}$ (hoặc 31,25%) giá trị căn nhà; Bà Long Diệu H được nhận số tiền 674.685.000 đồng tương đương với $\frac{1}{16}$ (hoặc 6,25%) giá trị căn nhà; Bà Trần Miêu A được nhận số tiền 674.685.000 đồng tương đương với $\frac{1}{16}$ (hoặc 6,25%) giá trị căn nhà; Bà Trần Thị Minh T được nhận số tiền 674.685.000 đồng tương đương với $\frac{1}{16}$ (hoặc 6,25%) giá trị căn nhà.

[9] Xét nguyên đơn yêu cầu bán toàn bộ di sản để chia thừa kế theo tỷ lệ được hưởng cho các đồng thừa kế, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 10/11/2021 và phần trình bày của các đương sự thừa nhận hiện nay nhà, đất tại Tầng trệt số 65-67 và Tầng 1 số 65-67-69 Đường T, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh cùng do các đồng thừa kế quản lý, sử dụng. Bản thân từng người thừa kế không có khả năng kinh tế để được nhận nhà và hoàn lại giá trị các kỷ phần cho các đồng thừa kế khác. Do đó, các đương sự đồng ý bán toàn bộ di sản nêu trên theo giá thị trường để phân chia thừa kế theo tỷ lệ từng kỷ phần. Căn cứ khoản 2 Điều 660 Bộ luật dân sự 2015, xét yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp quy định pháp luật nên có cơ sở để chấp nhận bán di sản để chia cho những người thừa kế.

[10] Xét bị đơn bà Trần Mỹ M và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Long Diệu H, bà Lê Thị N, bà Trần Thị Minh T có lời khai yêu cầu Tòa án chia thừa kế đối với di sản do bà Lý C chết để lại là 02 căn nhà ở đường Phạm Ngọc T. Tuy nhiên, mặc dù đã được Tòa án giải thích về việc đương sự phải có đơn yêu cầu phản tố, đơn yêu cầu độc lập, đóng tạm ứng án phí đối với yêu cầu của mình để được Tòa án thụ lý giải quyết yêu cầu, đồng thời đương sự phải có nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình

là có căn cứ và hợp pháp theo quy định tại Điều 91, Điều 200, Điều 201 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng đương sự vẫn không làm đơn và không cung cấp tài liệu theo thông báo của Tòa án nên Tòa án không có cơ sở để giải quyết các yêu cầu này. Trường hợp sau này có yêu cầu, các đương sự được quyền khởi kiện trong một vụ án khác.

[11] Xét lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là phù hợp với phân tích nêu trên nên chấp nhận.

[12] Xét đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp nên có căn cứ chấp nhận

[13] Về án phí dân sự sơ thẩm các đương sự phải chịu theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 623, khoản 1 Điều 659 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 636, Điều 652, Điều 653 Bộ luật dân sự 1995; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Long Cẩm T về việc chia thừa kế đối với nhà đất tại Tầng trệt (tầng 1) số 65-67 và Lầu 1 (tầng 2) số 65-67-69 Đường T, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 025569, số vào sổ cấp GCN: CH00164 do Ủy ban nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07/11/2013 cho bà Trần Thúy T là người đại diện của những người thừa kế của bà Lý C là di sản do bà Lý C chết để lại.

2. Các đồng thừa kế được nhận các kỷ phần cụ thể như sau:

Bà Trần Mỹ M được nhận số tiền 2.698.740.000 đồng (Hai tỷ sáu trăm chín mươi tám triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng) tương đương với $\frac{1}{4}$ (hoặc 25%) giá trị căn nhà;

Bà Trần Thúy T được nhận số tiền 2.698.740.000 đồng (Hai tỷ sáu trăm chín mươi tám triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng) tương đương với $\frac{1}{4}$ (hoặc 25%) giá trị căn nhà;

Ông Long Cẩm T được nhận số tiền 3.373.425.000 đồng (Ba tỷ ba trăm bảy mươi ba triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tương đương với 5/16 (hoặc 31,25%) giá trị căn nhà;

Bà Long Diệu H được nhận số tiền 674.685.000 đồng (Sáu trăm bảy mươi bốn triệu sáu trăm tám mươi lăm nghìn đồng) tương đương với 1/16 (hoặc 6,25%) giá trị căn nhà;

Bà Trần Miêu A được nhận số tiền 674.685.000 đồng (Sáu trăm bảy mươi bốn triệu sáu trăm tám mươi lăm nghìn đồng) tương đương với 1/16 (hoặc 6,25%) giá trị căn nhà;

Bà Trần Thị Minh T được nhận số tiền 674.685.000 đồng (Sáu trăm bảy mươi bốn triệu sáu trăm tám mươi lăm nghìn đồng) tương đương với 1/16 (hoặc 6,25%) giá trị căn nhà.

Giao cơ quan thi hành án có thẩm quyền thực hiện phát mãi đối với nhà đất tại Tầng trệt (tầng 1) số 65-67 và Lầu 1 (tầng 2) số 65-67-69 Đường T, phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BP 025569, sổ vào sổ cấp GCN: CH00164 do Ủy ban nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 07/11/2013 cho bà Trần Thúy T là người đại diện của những người thừa kế của bà Lý C để chia thừa kế cho các đồng thừa kế theo tỷ lệ được chia như trên.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Long Cẩm T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 99.468.500 đồng (Chín mươi chín triệu bốn trăm sáu mươi tám nghìn năm trăm đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 42.834.062 đồng (Bốn mươi hai triệu tám trăm ba mươi bốn nghìn không trăm sáu mươi hai đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0029125 ngày 21/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Long Cẩm T còn phải nộp 56.634.438 đồng (Năm mươi sáu triệu sáu trăm ba mươi bốn nghìn bốn trăm ba mươi tám đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm;

Bà Trần Mỹ M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 85.974.800 đồng (Tám mươi lăm triệu chín trăm bảy mươi bốn nghìn tám trăm đồng);

Bà Trần Thúy T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 85.974.800 đồng (Tám mươi lăm triệu chín trăm bảy mươi bốn nghìn tám trăm đồng);

Bà Long Diệu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 30.987.400 đồng (Ba mươi triệu chín trăm tám mươi bảy nghìn bốn trăm đồng);

Bà Trần Miêu A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 30.987.400 đồng (Ba mươi triệu chín trăm tám mươi bảy nghìn bốn trăm đồng);

Bà Trần Thị Minh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 30.987.400 đồng (Ba mươi triệu chín trăm tám mươi bảy nghìn bốn trăm đồng).

5. Về quyền kháng cáo:

Ông Long Cẩm T, bà Trần Mỹ M, bà Trần Thúy T, bà Long Diệu H, bà Trần Miêu A, bà Lê Thị N, bà Trần Thị Minh T, trẻ Long Minh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Huỳnh Văn C, bà Lê Thị T, ông Long Thanh C, bà Lê Thị R, bà Huỳnh Nguyệt Á, ông Huỳnh Quang H, bà Trần Thị Mỹ H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014)/.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Mạnh